

8.1.2.2 Kế toán nợ phải trả trong thanh toán

8.1.2.2.1 . Kế toán phải trả người bán:

a. Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết; tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính phụ, kế toán sử dụng tài khoản 331 " Phải trả cho người bán "

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 331 như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền người bán chấp nhận giảm giá hàng hoá hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản trừ nợ phải trả cho người bán;
- Giá vật tư, hàng hoá thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.

Số dư bên Có:

Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở Tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

b. Trình tự kế toán:

- Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho, hoặc gửi đi bán thẳng thông qua kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:
 - * Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:
 - Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:
 - Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ (Giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 156 - Hàng hoá (Giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán (Giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán)
 - Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị vật tư, hàng hoá bao gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:
 - Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu
 - Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ
 - Nợ TK 156 - Hàng hoá
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán
 - * Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị vật tư, hàng hoá mua vào bao gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:
 - Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu
 - Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ
 - Nợ TK 156 - Hàng hoá

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

- *Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho, hoặc gửi đi bán thông qua kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ*
- * *Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ*
 - *Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:*
 - Nợ TK 611 - Mua hàng (Giá chưa có thuế GTGT)*
 - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)*
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán)*
 - *Nếu vật tư, hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì giá trị vật tư, hàng hoá mua vào bao gồm cả thuế GTGT, ghi:*
 - Nợ TK 611 - Mua hàng (Tổng giá thanh toán)*
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán)*
- * *Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì giá trị vật tư, hàng hoá mua vào là tổng giá thanh toán, ghi:*
 - Nợ TK 611 - Mua hàng (Tổng giá thanh toán)*
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán)*
- *Mua TSCĐ chưa trả tiền cho người bán đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, căn cứ hoá đơn của người bán, biên bản giao nhận TSCĐ và các chứng từ liên quan, trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:*
 - *Nếu TSCĐ mua vào sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:*
 - Nợ TK 211 – TSCĐ hữu hình (Giá chưa có thuế GTGT)*
 - Nợ TK 213 – TSCĐ vô hình (Giá chưa có thuế GTGT)*
 - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1332)*
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán)*
 - *Nếu TSCĐ mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì nguyên giá TSCĐ mua vào bao gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:*
 - Nợ TK 211 – TSCĐ hữu hình*
 - Nợ TK 213 – TSCĐ vô hình*
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán*
- *Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây, lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và bb bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành.*
 - *Nếu vật tư XD CB hình thành TSCĐ sử dụng để sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:*
 - Nợ TK 241 – XD CB dở dang (Giá chưa có thuế GTGT)*
 - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ*
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán)*
 - *Nếu đầu tư XD CB hình thành TSCĐ sử dụng để sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị đầu tư XD CB gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:*
 - Nợ TK 241 – XD CB dở dang*
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán*
 - *Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thì giá trị đầu tư XD CB bao gồm cả thuế GTGT (Tổng giá thanh toán), ghi:*
 - Nợ TK 241 – XD CB dở dang*
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán*
- *Nhận dịch vụ: chi phí vận chuyển, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, quảng cáo, ghi:*
 - Nợ TK 1562, 142, 242, 623, 627, 641, 642, 635, 811*

- Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)
Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán)
- Khi thanh toán cho người bán, cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:
Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán
Có TK 111, 112, 311, 341,
 - Khi ứng trước tiền cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:
Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán
Có TK 111, 112,
 - Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không có hàng, ghi:
Nợ TK 111, 112,
Có TK 331 – Phải trả cho người bán
 - Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính từ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:
Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán
Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
 - Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào đã nhập kho nhưng do không đúng quy cách, phẩm chất nên trả lại được tính từ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:
Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán
Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
Có TK 152, 153, 156, 611. ...
 - Trường hợp người bán chấp thuận giảm giá cho số vật tư, hàng hoá doanh nghiệp đã mua vì không đúng quy cách, phẩm chất và hàng hoá vẫn còn trong kho, ghi:
Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán
Có TK 152, 153, 156, ... (Giá trị được giảm giá)
Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:
Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán
Có TK 711 – Thu nhập khác
 - Khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế ký kết giữa nhà thầu chính và nhà thầu phụ (đã khấu trừ thuế tính trên khối lượng xây lắp mà nhà thầu phụ đã thực hiện (hoặc không khấu trừ thuế), căn cứ vào hoá đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:
Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán
Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
Có TK 331 – Phải trả cho người bán
 - Trường hợp hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng.
- Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:
Nợ TK 111, 112, 131, ...
Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Theo giá giao bán đại lý)
- Đồng thời ghi đơn bên Có TK 003 – Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
- Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, ghi:
Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán
Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp
 - Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:
Nợ TK 3331 – Phải trả cho người bán (Giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)
Có TK 111, 112,